

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

Bản án số: 02 /2022/KDTM-ST

Ngày 16 tháng 03 năm 2022.

V/v “Kiện đòi tài sản (Tiền)”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hứa Văn Chế

2. Ông: Triệu Minh Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2022 tại Hội trường xét xử dân sự Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 11/2021/TLST- KDTM, ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc kiện đòi tài sản (tiền) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 10/02/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Kiều Xuân Đ (*vắng mặt có lý do*);

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Quang T (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh T;

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần X; Địa chỉ trụ sở: Số nhà x, tổ y, phường N, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt T - Giám đốc. Địa chỉ: Tổ n, phường M, thành phố H, tỉnh H, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày: Tại thời điểm ông Nguyễn Việt T vay tiền của ông Kiều Xuân Đ thì ông T đang làm giám đốc Công ty X. Ông T trực tiếp vay của ông Đ làm giám đốc Công ty TNHH S do ông Đ làm giám đốc tại thời điểm năm 2009 đến năm 2011, ông T vay tiền cho Công ty cụ thể như sau:

- Ngày 23/04/2009: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy vay của ông Đ số tiền 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*).
- Ngày 23/06/2009: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy vay của ông Đ số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).
- Ngày 28/06/2009: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy tay vay của ông Đ số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
- Ngày 07/07/2009: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy tay vay của ông Đ số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).
- Ngày 20/07/2009: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy tay vay của ông Đ số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).
- Ngày 28/07/2009: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy tay vay của ông Đ số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).
- Ngày 31/08/2009: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy tay vay của ông Đ số tiền 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).
- Ngày 17/08/2010: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy tay vay của ông Đ số tiền 10.919.830.000đ (*Mười tỷ chín trăm mười chín tám trăm ba mươi nghìn đồng*).
- Ngày 02/10/2010: Ông Nguyễn Việt T có viết giấy tay vay của ông Đ số tiền 2.100.000.000đ (*Hai tỷ một trăm triệu đồng*).

Ông Đ khởi kiện yêu cầu buộc Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T phải trả cho ông số tiền vay gốc chưa trả là 15.019.830.000đ (*Mười năm tỷ không trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*) và lãi suất của từng khoản vay theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã áp dụng là 1% trên tháng tính đến ngày 01/10/2021, cụ thể số tiền lãi như sau:

- Khoản vay ngày 23/04/2009 là $1.200.000.000đ \times 149 \text{ tháng} \times 1\% = 1.788.000.000$ (*Một tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu đồng*)
- Khoản vay ngày 23/06/2009 là $200.000.000đ \times 148 \text{ tháng} \times 1\% = 296.000.000đ$ (*Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng*)
- Khoản vay ngày 28/06/2009 là $150.000.000đ \times 148 \text{ tháng} \times 1\% = 222.000.000đ$ (*Hai trăm hai mươi hai triệu đồng*)
- Khoản vay ngày 07/07/2009 là $100.000.000đ \times 144 \text{ tháng} \times 1\% = 144.000.000đ$ (*Một trăm bốn mươi tư triệu đồng*)

- Khoản vay ngày 20/07/2009 là 60.000.000đ x 147 tháng x 1% = 88.200.000đ (*Tám mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*)

- Khoản vay ngày 28/07/2009 là 100.000.000đ x 147 tháng x 1% = 147.000.000đ (*Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng*)

- Khoản vay ngày 31/08/2009 là 190.000.000đ x 145 tháng x 1% = 275.500.000đ (*Hai trăm bảy mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng*)\

- Khoản vay ngày 17/08/2010 là 10.919.830.000đ x 134 tháng x 1% = 14.632.572.200đ (*Mười bốn tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng*)

- Khoản vay ngày 02/10/2010 là 2.100.000.000đ x 132 tháng x 1% = 2.772.000.000đ (*Hai tỷ bảy trăm bảy mươi hai triệu đồng*)

Tổng số tiền lãi là: 20.365.272.200đ

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 15.019.830.000đ (gốc) + 20.365.272.200 (lãi) = 35.385.102.200đ (*Ba mươi năm tỷ ba trăm tám mươi năm triệu một trăm linh hai nghìn hai trăm đồng*).

* Bị đơn Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh Công an phường Minh Khai cho biết ông T có hộ khẩu thường trú tại tổ 16, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, ông chỉ đăng ký hộ khẩu tại tổ, còn về nhà cửa thì ông T đã bán hiện tại ông T không sinh sống tại địa bàn tổ 16, phường Minh Khai nữa. Ông T chuyển tạm trú và hiện đang thuê nhà bà Nguyễn Thị Kim L tại tổ 15, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Qua xác minh bà Nguyễn Thị Kim L cung cấp năm 2014 ông Nguyễn Việt T có thuê nhà của bà đến tháng 3/2017 thì ông T bỏ đi và không thuê nhà nữa từ khi bỏ đi đến nay không thấy ông T quay lại để lấy đồ đạc và trả tiền thuê nhà trọ. Hiện tại ông T ở đâu làm gì thì bà L không biết. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã T hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định và T hành giải quyết, xét xử theo quy định chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên không T hành hòa giải Đ và đưa vụ án ra xét xử.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Đ

Tòa án tổng đạt thông báo và niêm yết hợp lệ vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 472, 481 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 269, 270 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.4 phần II Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 về quy định mức án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

3. Về án phí: Bị đơn Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền vay theo các giấy biên nhận vay tiền mà bên bị đơn đã ký kết; Bị đơn trụ sở và nơi cư trú tại tổ 16, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; điểm g, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu trả tiền vay theo các hợp giấy biên nhận bên bị đơn đã ký kết vay cho Công ty mục đích có lợi nhuận đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Kiện đòi tài sản)

[3] Về xác định tên gọi của bị đơn: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp và thụ lý ban đầu là bị đơn Công ty X. Quá trình thu thập chứng cứ phòng đăng ký kinh doanh – sở kế hoạch và đầu tư Hà Giang cung cấp Công ty X đã đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh nên tên gọi của công ty là Công ty X. Trụ sở: Tổ 16, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt T - Chức danh Chủ tịch Hội đồng kiêm giám đốc công ty.

[4] Về sự có mặt của đương sự: Tại các biên bản xác minh địa chỉ của bị đơn Công ty X đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T không có mặt tại tổ 16, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Qua thu thập xác minh Tòa án đã xác định: Công ty X. Trụ sở: Tổ 16, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T có trụ sở đặt tại: Tổ 16, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, hiện nay Công ty và hộ khẩu của ông T vẫn ở địa chỉ trên nhưng ông T đã bán nhà chuyển sang tạm trú tại tổ 15, phường Nguyễn Trãi ở thuê và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và có tình giấu địa chỉ, không báo cho ông nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông T không hợp tác đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân

sự Tòa án T hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Việt T là đúng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về sự ủy quyền tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông Kiều Xuân Đ có ủy quyền cho ông Hà Quang T tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và từ chối việc ủy quyền không ủy quyền cho ông Trọng tham gia giải quyết vụ án nữa. Do vậy, việc từ chối không ủy quyền và có đơn xin xét xử vắng mặt là sự tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về nội dung: Đối với yêu cầu của ông Đ khởi kiện đề nghịÔng Nguyễn Việt T có viết giấy vay của ông Đ vào các lần thỏa thuận vay như sau: Ngày 23/04/2009 vay số tiền 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận giữa hai bên, hạn trả quý II/2009. Ngày 24/06/2009 vay số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận giữa hai bên, thời gian vay 3 tháng kể từ ngày 24/6/2009. Ngày 28/06/2009 vay số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận giữa hai bên, thời gian vay 3 tháng kể từ ngày 28/6/2009. Ngày 07/07/2009 vay của số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận giữa hai bên, thời gian vay 3 tháng kể từ ngày 7/7/2009. Ngày 20/07/2009 vay số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận, thời gian vay 60 ngày kể từ ngày vay. Ngày 28/07/2009 vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận, thời gian vay 3 tháng. Ngày 31/08/2009 vay số tiền 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận, thời gian vay 3 tháng kể từ ngày vay. Ngày 02/10/2010 vay số tiền 2.100.000.000đ (*Hai tỷ một trăm triệu đồng*). hạn trả trong năm 2010, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 17/08/2010 giấy nhận nợ là 10.919.830.000đ (*Mười tỷ chín trăm mười chín tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Tổng cộng các lần vay và nhận nợ số tiền gốc là 15.019.830.000đ (*Mười năm tỷ không trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Đến nay ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty X không trả tiền theo thỏa thuận. Mặc dù, ông Đ đã đòi và ông T đã khát nợ nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ nên cần xử buộc Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T trả khoản tiền nợ gốc trên cho ông Đ là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với khoản tiền lãi là: 20.365.272.200đ (*Hai mươi tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng*), do ông Kiều Xuân Đ đã có đơn xin rút phần lãi xuất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết khoản tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Đối với yêu cầu của ông Kiều Xuân Đ không chấp nhận việc ông Hà Quang T tự ý giải quyết không có sự đồng ý của ông, do vậy ông Đ không đồng ý để ông T tiếp tục thực hiện việc ủy quyền tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án, Đề nghị Tòa án cứ T hành xét xử không có mặt ông T, ông Đ tự đến Tòa yêu cầu

Tòa án giải quyết. HĐXX chấp nhận yêu cầu đề nghị của ông Đ về việc không cần có mặt người ủy quyền tại phiên tòa theo quy định.

[8]. Căn cứ vào nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Xuân Đ buộc Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T trả khoản tiền nợ gốc là 15.019.830.000đ (*Mười lăm tỷ không trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*) không tính lãi cho ông Kiều Xuân Đ

[9] Về án phí: Bị đơn Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 123.019.830.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm ba mươi nghìn đồng*) theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 269, 270 Luật thương mại năm 2005; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T phải trả số tiền nợ gốc là 15.019.830.000đ (*Mười lăm tỷ không trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*) không tính lãi cho ông Kiều Xuân Đ .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty X, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 123.019.830.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm ba mươi nghìn đồng*) theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt

biết có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án và niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHG;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- C.C THATPHG;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sùng Thị Mai